

Bản án số: 100/2025/HS-PT

Ngày: 25-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quê

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2025/TLPT-HS ngày 28/7/2025 đối với bị cáo Lê Trường A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau).

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Trường A, sinh ngày 12/6/1987 tại huyện C, tỉnh Cà Mau; số CCCD: 096087003930, cấp ngày 15/11/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH Bộ C2; nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Nguyên Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự xã L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị D; vợ Lê Thị C (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại (không được Tòa án triệu tập), gồm:

1. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1974

2. Bà Trần Thị G, sinh năm 1975

3. Ông Lê Thành N1, sinh năm 1978

4. Ông Chiêm Văn K, sinh năm 1970

Cùng trú tại: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau)

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2002

6. Bà Huỳnh Diễm P, sinh năm 1979

Cùng trú tại: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã L, tỉnh Cà Mau)

7. Ông Châu Minh N2, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trường A là Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã L, huyện C. Để chuẩn bị cho đợt khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2024, Chủ tịch UBND xã L đã quyết định kiện toàn Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã L (tháng 8/2023 và tháng 11/2023), và A được phân công làm thành viên Hội đồng (Nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng là hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; sơ tuyển các công dân trên địa bàn đủ điều kiện tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự).

Sau khi có kết quả sơ tuyển tại Hội đồng quân sự xã L, bản thân hoặc người thân của một số thanh niên trên địa bàn xã được xác định đủ điều kiện tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự nhưng không muốn trúng tuyển để không phải tham gia nghĩa vụ quân sự. Do biết A là Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã L, nghĩ A sẽ được lo việc này, nên họ đã liên hệ nhờ A giúp. Mặc dù A không có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc khám tuyển nghĩa vụ quân sự, không có thẩm quyền quyết định việc trúng tuyển hay không trúng tuyển của người khám tuyển nghĩa vụ quân sự nhưng A vẫn nhận tiền và hứa giúp những người này, cụ thể:

1. Tháng 9/2023, ông Lê Thành N1 biết con mình là Lê Hoàng L1 đã trúng sơ tuyển và chuẩn bị tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, N1 liên hệ A để nhờ giúp cho L1 không phải tham gia nghĩa vụ quân sự. A đồng ý hứa giúp và kêu N1 đưa số tiền 6.000.000 đồng chuyển tiền vào số tài khoản ngân hàng do A cung cấp và N1 đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng như yêu cầu của A (theo A khai là số tài khoản của chủ nợ của A; A kêu N1 chuyển vào số tài khoản này để A trả nợ).

2. Khoảng tháng 12/2023, ông Nguyễn Văn L biết mình đã trúng sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, L liên hệ A để nhờ giúp cho không trúng tuyển. Cả hai hẹn gặp nhau tại một quán cà phê (không rõ tên) ở khu vực xã L, thành phố C; L đưa cho A số tiền 3.000.000 đồng để nhờ A giúp; A nhận tiền và hứa sẽ giúp cho L không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự.

3. Trong tháng 12/2023, vợ chồng ông Ngô Văn N và bà Trần Thị G biết con mình là Ngô Minh Đ đã trúng sơ tuyển và chuẩn bị tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, N và G liên hệ nhờ A giúp để Đ không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và hứa sẽ đưa tiền cho A để lo. A đồng ý hứa giúp cho Đ và hẹn gặp N để lấy tiền tại khu vực cổng Bào Bèo thuộc ấp B, xã L, huyện C và A đã nhận của N 3.500.000 đồng.

4. Năm 2021, bà Huỳnh Diễm P là mẹ ruột Bùi Hoàng V nhận thông báo về việc V sắp đến tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự. Vì không muốn V tham gia nghĩa vụ quân sự, nên P liên hệ A để nhờ giúp, A đồng ý. Đồng thời A hỏi mượn (vay không lãi) của bà P 5.000.000 đồng. Thời gian sau, A tiếp tục mượn tiền của P thêm 02 lần (lần 2.000.000 đồng và lần 3.000.000 đồng). A đã mượn của P 03 lần là 10.000.000 đồng. Khoảng tháng 12/2023, sau khi biết V đã trúng sơ tuyển nghĩa vụ quân sự tại xã L, P liên hệ A đến nhà chơi để đổi việc A giúp cho V không phải tham gia nghĩa vụ quân sự. P gợi ý là chấp nhận cho A 10.000.000 đồng mà A đã mượn và đưa thêm

cho A 3.000.000 đồng (tổng cộng 13.000.000 đồng) để A giúp cho V. A đồng ý hứa giúp cho V và nhận tiếp của P 3.000.000 đồng.

5. Khoảng tháng 12/2023, ông Châu Minh N2 biết con mình là Châu Khánh V1 đã trúng sơ tuyển và chuẩn bị tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự, N2 liên hệ A để đưa tiền nhờ A giúp cho V1 không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự. A đồng ý và hẹn N2 đến đoạn lộ thuộc ấp H, xã L, huyện C để nhận 5.000.000 đồng của N2.

6. Khoảng tháng 12/2023, Chiêm Duy P1 tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại huyện C nhưng chưa được thông báo kết quả. Chiêm Văn K là cha ruột của P1 không muốn cho con mình tham gia nghĩa vụ quân sự nên K liên hệ A đặt vấn đề đưa tiền để A giúp cho P1. Mặc dù A đã biết kết quả khám tuyển P1 đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, nhưng A vẫn hứa giúp và nhận 8.000.000 đồng của ông K.

Sau khi nhận được tiền của 06 người trên thì A đã không làm gì hoặc nhờ ai giúp cho G1, L, Đ, V, V1 và P1 mà sử dụng tiền vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền A đã chiếm đoạt 38.500.000 đồng. Tháng 01/2024, sau khi có kết quả khám tuyển nghĩa vụ quân sự xác định G1, L, Đ, V, V1 và P1 đều đã trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, sợ hành vi của mình bị phát hiện nên A đã liên hệ với những người này trả lại tiền. Tháng 02/2024, A lần lượt mang tiền trả lại cho những người mà A đã nhận như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 16/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã quyết định: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về phần án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/6/2025, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước về phần hình phạt.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Trong khoảng thời gian tháng 9 và tháng 12/2023, A là Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, được Nguyễn Văn L, Lê Thành N1, Ngô Văn N, Huỳnh Diễm P, Châu Minh N2 và Chiêm Văn K nhờ lo giúp cho L, Lê Hoàng G1 (con N1), Ngô Minh Đ (con Nhường), Bùi Hoàng V (con P), Châu Khánh V1 (con Nhiếp) và Chiêm Duy P1 (con Khao) để không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2024. Mặc dù không có nhiệm

vụ, quyền hạn trong công tác tuyển quân, nhưng bị cáo A vẫn nhận lời, hứa sẽ giúp cho những người này không trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, để họ tin tưởng mà đưa tiền cho bị cáo A. Tổng số tiền bị cáo A đã nhận và chiếm đoạt của các bị hại là 38.500.000 đồng. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đã xét xử bị cáo A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm đ khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc tội phạm nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm về tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Cơ quan nhà nước, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác vi phạm pháp luật hình sự, phạm tội thì bị xử lý và phải chịu hình phạt theo quy định.

[3] Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã có xem xét đầy đủ và toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Đã bồi thường được toàn bộ phần thiệt hại trước khi bị khởi tố; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích được tặng 02 Giấy khen do có 06 lần tham gia hiến máu tình nguyện ở địa phương; Gia đình bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng (gồm có: Bà ngoại bị cáo tên Nguyễn Thị H và bà dì tên Nguyễn Thị Đ1 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; ông nội tên Lê Cao T1 tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được hưởng chế độ đối tượng 3, ông cậu tên Nguyễn Thành T2 là liệt sĩ). Ngoài ra, bị cáo còn có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên. Từ đó, xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Trường A về việc xin được giảm nhẹ hình phạt. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2025/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau) về phần hình phạt.

2. Xử phạt bị cáo Lê Trường A 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4-CM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-CM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-CM;
- Công an xã Lương Thế Trân, tỉnh CM;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế